

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUẢNG NINH**

Số: 253 /TTr-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Ninh, ngày 14 tháng 12 năm 2016

## **TỜ TRÌNH**

**Về việc thông qua Nghị quyết điều chỉnh  
Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020  
của huyện Quảng Ninh (nguồn vốn ngân sách huyện quản lý)**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân huyện Quảng Ninh.

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ vào Luật Đầu tư công năm 2014; Nghị định 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm;

Căn cứ Nghị quyết số 110/2015/NQ-HĐND ngày 10/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn ngân sách Nhà nước tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết 108/2015/NQ-HĐND ngày 17/7/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020 của tỉnh Quảng Bình (nguồn vốn ngân sách tỉnh quản lý); Tờ trình số 2025/TTr-UBND ngày 24/11/2016 của UBND tỉnh về việc thông qua Nghị quyết điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 của tỉnh Quảng Bình (nguồn vốn ngân sách tỉnh quản lý);

Căn cứ Công văn số 1803/KHĐT-TH ngày 16/8/2016 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc dự kiến vốn đầu tư trung hạn nguồn ngân sách địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 118/2015/NQ-HĐND ngày 21/12/2015 của Hội đồng nhân dân huyện về việc thông qua kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2016 – 2020 (nguồn vốn ngân sách huyện); Nghị quyết số 116/2016/NQ-HĐND ngày 03/8/2016 của Hội đồng nhân dân huyện về việc điều chỉnh Nghị quyết số 118/2015/NQ-HĐND ngày 21/12/2015;

Căn cứ Thông báo số 146-TB/HU ngày 12/9/2016 của Huyện ủy kết luận của Thường trực Huyện ủy về nguồn vốn Cải tạo trụ sở Huyện ủy và UBND huyện; Thông báo số 196a/TB-UBND ngày 18/10/2016 của UBND huyện Quảng Ninh kết luận tại hội nghị phê duyệt chủ trương đầu tư các công trình năm 2017;

UBND huyện trình Hội đồng nhân dân huyện xem xét điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 của huyện Quảng Ninh (nguồn vốn ngân sách huyện quản lý) với các nội dung như sau:

### **I. LÝ DO ĐIỀU CHỈNH**

- Theo Tờ trình số 2025/TTr-UBND ngày 24/11/2016 của UBND tỉnh về việc thông qua Nghị quyết điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 của tỉnh Quảng Bình (nguồn vốn ngân sách tỉnh quản lý), số vốn ngân sách tập trung và

quỹ đất tỉnh giao tăng 52,801 tỷ đồng so với số vốn trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm tỉnh đã giao tại Nghị quyết số 108/2015/NQ-HĐND ngày 17/7/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Theo Thông báo số 146-TB/HU ngày 12/9/2016 của Huyện ủy kết luận của Thường trực Huyện ủy về nguồn vốn Cải tạo trụ sở Huyện ủy và UBND huyện để bố trí vốn cho 02 công trình: Tăng vốn bố trí cho hai công trình Cải tạo trụ sở làm việc UBND huyện và Sửa chữa trụ sở làm việc cơ quan Huyện ủy Quảng Ninh. Trong đó, công trình Sửa chữa trụ sở làm việc cơ quan Huyện ủy Quảng Ninh tinh hỗ trợ 3.000 triệu đồng (Theo Tờ trình số 2025/TTr-UBND ngày 24/11/2016 của UBND tỉnh), phần còn lại ngân sách huyện bố trí.

- Điều chỉnh công trình Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng Trường Tiểu học Vĩnh Ninh khu vực Lệ Kỳ (đã được ngân sách tỉnh đầu tư theo Tờ trình số 2025/TTr-UBND ngày 24/11/2016 của UBND tỉnh) sang đầu tư cho công trình Nhà hiệu bộ và phòng chức năng Trường Tiểu học Vĩnh Ninh.

- Theo Thông báo số 196a/TB-UBND ngày 18/10/2016 của UBND huyện Quảng Ninh kết luận tại hội nghị phê duyệt chủ trương đầu tư các công trình năm 2017: Bổ sung đầu tư công trình Đường Hạ làng Phúc Mỹ đi Xuân Dục 4; điều chỉnh thời gian thi công công trình Kênh tưới vùng Ông Đồng mở rộng xã Gia Ninh sang năm 2017-2019.

- Bổ sung vốn đối ứng ngân sách cấp trên cho 02 công trình: Đường Hà Thiệp – Bảo Ninh và Đường tránh lũ bản Khe Dây đi bản Khe Ngang xã Trường Xuân (trong đó vốn ngân sách tỉnh phân xây lắp, ngân sách huyện đối ứng phần còn lại).

- Giảm trả nợ công trình Kè bảo vệ khu dân cư Dinh Thủy và công trình Đường tránh lũ Duy Ninh – Hàm Ninh do đã đủ vốn bố trí; giảm bố trí vốn một số công trình đầu tư từ năm 2019 trở về sau.

- Bổ sung vốn trả nợ vay KCH KM, GTNT hàng năm.

- Bổ sung trả nợ đọng một số công trình hoàn thành:

+ Cấp nước mở rộng diện tích tưới bản Lâm Ninh;

+ KCH kênh tưới vùng bộ Tả Phan;

+ Lập Quy hoạch chi tiết di dời dân khẩn cấp sau lòng hồ Rào Đá;

+ Hỗ trợ sửa chữa đường dây và trạm biến áp núi Thần Đình;

+ Sửa chữa mặt đường từ Mỹ Trung đến trạm bơm số 1 Ông Đồng.

- Kế hoạch đầu tư công 2016-2020 đã phê duyệt trích 15% vốn để dự phòng xử lý các vấn đề phát sinh, nay chỉ phân bổ 10% dự phòng theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

## **II. NGUYÊN TẮC ĐIỀU CHỈNH**

### **1. Nguyên tắc chung**

- Phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Quảng Ninh đến 2020; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 đã được phê duyệt.

- Phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công và huy động các nguồn vốn đầu tư khác. Việc phân bổ vốn đầu tư công tuân thủ nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Trong tổng số vốn kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020, phân bổ 90% tổng số vốn, còn lại 10% dự phòng để xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai trong từng năm cụ thể.

- Giữ nguyên các danh mục dự án trong kế hoạch đầu tư công đã phê duyệt (NQ116), chỉ thay đổi thời gian thực hiện hoặc số vốn phân bổ theo thứ tự ưu tiên; rà soát bổ sung thêm các dự án cấp bách khác và bổ sung trả nợ đọng một số công trình hoàn thành thiếu vốn.

## **2. Nguyên tắc phân bổ vốn**

- *Phân bổ vốn cho lĩnh vực theo quy định:*

+ Lĩnh vực giáo dục Đào tạo – Dạy nghề: Tối thiểu 20%.

- *Phân bổ vốn cho các nhiệm vụ theo thứ tự ưu tiên:*

+ Trả nợ vay KCHKM, GTNT, vay tín dụng ưu đãi đến hạn;

+ Thanh toán nợ đọng XDCB đến ngày 31/12/2014;

+ Phân bổ cho các dự án hoàn thành quyết toán năm 2015, 2016;

+ Phân bổ đối ứng các công trình ngân sách cấp trên và vốn tài trợ.

+ Phân bổ vốn dự phòng theo quy định của luật Đầu tư công.

- *Phân bổ vốn cho các công trình chuyển tiếp, khởi công mới theo thứ tự ưu tiên như sau:*

+ Các công trình chuyển tiếp;

+ Các công trình cấp bách, khởi công mới năm 2016;

+ Các công trình khởi công mới giai đoạn 2017-2018;

+ Các công trình khởi công mới giai đoạn 2019 trở về sau.

## **III. CƠ CẤU NGUỒN VỐN**

### **1. Cơ sở xác định nguồn vốn**

- Tờ trình số 2025/TTr-UBND ngày 24/11/2016 của UBND tỉnh về việc thông qua Nghị quyết điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 của tỉnh Quảng Bình (nguồn vốn ngân sách tỉnh quản lý).

- Nghị quyết số 118/2015/NQ-HĐND ngày 21/12/2015 của Hội đồng nhân dân huyện về việc thông qua kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2016 – 2020 (nguồn vốn ngân sách huyện); Nghị quyết số 116/2016/NQ-HĐND ngày 03/8/2016 của Hội đồng nhân dân huyện về việc điều chỉnh Nghị quyết 118/2015/NQ-HĐND ngày 21/12/2015.

- Công văn số 1803/KHĐT-TH ngày 16/8/2016 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc dự kiến vốn đầu tư trung hạn nguồn ngân sách địa phương.

### **2. Cơ cấu nguồn vốn**

Tổng số nguồn vốn đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 của huyện Quảng Ninh (nguồn vốn ngân sách huyện quản lý) là **142.101 triệu đồng**, cụ thể như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Xã, Thị trấn	Kế hoạch đầu tư công 2016-2020 (theo Nghị quyết 118/2015/NQ-HĐND huyện)	Kế hoạch đầu tư công 2016-2020 (điều chỉnh)	Tăng (+) Giảm (-)
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>111.870</b>	<b>142.101</b>	<b>30.231</b>
<b>I</b>	<b>Vốn do huyện phân bổ</b>	<b>91.075</b>	<b>107.098</b>	<b>16.023</b>
1	Vốn ngân sách tập trung	79.075	86.900	7.825
2	Vốn thu cấp quyền sử dụng đất (tăng theo tỷ lệ tinh giao)	12.000	20.198	8.198
<b>II</b>	<b>Vốn do cấp xã phân bổ (tăng theo tỷ lệ tinh giao)</b>	<b>20.795</b>	<b>35.003</b>	<b>14.208</b>
<b>I</b>	<b>UBND Thị trấn</b>	<b>1.485</b>	<b>2.500</b>	<b>1.015</b>
1	UBND Thị trấn Quán Hâu	1.485	2.500	1.015
<b>II</b>	<b>UBND các xã</b>	<b>19.310</b>	<b>32.503</b>	<b>13.193</b>
1	UBND xã Vạn Ninh	2.042	3.438	1.395
2	UBND xã An Ninh	780	1.313	533
3	UBND xã Tân Ninh	650	1.094	444
4	UBND xã Xuân Ninh	390	656	266
5	UBND xã Hiền Ninh	650	1.094	444
6	UBND xã Gia Ninh	4.196	7.063	2.867
7	UBND xã Võ Ninh	4.642	7.813	3.171
8	UBND xã Duy Ninh	650	1.094	444
9	UBND xã Hàm Ninh	928	1.563	634
10	UBND xã Lương Ninh	1.857	3.125	1.269
11	UBND xã Vĩnh Ninh	928	1.563	634
12	UBND xã Trường Xuân	93	156	63
13	UBND xã Trường Sơn	74	125	51
14	UBND xã Hải Ninh	1.430	2.406	977

#### IV. PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ (Cấp huyện)

Tổng số nguồn vốn đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 do huyện phân bổ là **107.098 triệu đồng**, phân bổ cụ thể như sau:

TT	Phương án phân bổ	Kế hoạch đầu tư công 2016-2020 (theo Nghị quyết 118/2015/NQ-HĐND huyện)	Kế hoạch đầu tư công 2016-2020 (điều chỉnh)	Tăng (+) Giảm (-)
	<b>TỔNG VỐN DO HUYỆN PHÂN BỐ</b>	<b>91.057</b>	<b>107.098</b>	<b>16.041</b>
<b>I</b>	<b>Phân bổ các lĩnh vực theo quy định</b>	<b>24.500</b>	<b>22.532</b>	<b>-1.968</b>
1	Khoa học và Công nghệ	0	0	0
2	Giáo dục và Đào tạo	23.100	19.832	-3.268
3	Lĩnh vực y tế và NTM	2.900	2.700	-200

<b>II</b>	<b>Phân bổ các nhiệm vụ theo thứ tự ưu tiên</b>	<b>28.001</b>	<b>44.710</b>	<b>16.709</b>
1	Trả nợ vay KCH KM, GTNT	0	9.000	9.000
2	Trả nợ XDCB	14.276	15.710	1.434
-	<i>Trong đó: Điều chỉnh trả nợ nhỏ lẻ các DA đã hoàn thành, quyết toán</i>	0	346	346
3	Vốn đối ứng công trình ngân sách cấp trên và vốn tài trợ	225	5.831	5.606
4	Dự phòng 10%	13.500	14.169	669
<b>III</b>	<b>Phân bổ các công trình chuyển tiếp, khởi công mới</b>	<b>57.126</b>	<b>68.219</b>	<b>11.093</b>
1	Công trình chuyển tiếp sang 2016-2020	2.326	2.100	-226
2	Công trình khởi công mới 2016	17.877	28.691	10.814
3	Các dự án khởi công mới 2017-2020	40.399	35.928	-4.471
4	Hỗ trợ các xã về đích NTM	1.500	1.500	0

(Chi tiết phân bổ nguồn vốn có các phụ lục kèm theo Nghị quyết)

## V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Hiện nay chưa có số vốn giao chính thức của Chính phủ, Bộ kế hoạch và Đầu tư, do vậy UBND huyện kính trình Hội đồng nhân dân huyện cho phép bổ sung thêm điều khoản vào Nghị quyết HĐND huyện về việc khi cấp có thẩm quyền giao vốn chính thức mà tổng số vốn đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 (nguồn vốn ngân sách huyện quản lý) có sự thay đổi thì HĐND huyện giao UBND huyện tham mưu, báo cáo Thường trực HĐND huyện xem xét, điều chỉnh nguồn vốn và phương án phân bổ. Việc điều chỉnh (nếu có) sẽ theo nguyên tắc, tiêu chí phân bổ và tăng giảm đều theo cơ cấu, tỷ lệ từng khoản mục và báo cáo HĐND huyện vào kỳ họp gần nhất.

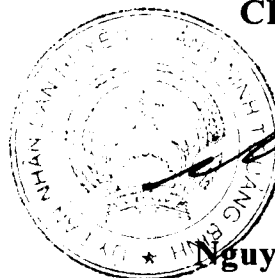
UBND huyện kính trình HĐND huyện xem xét, thông qua Nghị quyết điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020 của huyện Quảng Ninh (nguồn vốn ngân sách huyện quản lý).

### Nơi nhận:

- TT HĐND huyện;
- Các đại biểu HĐND huyện;
- Lưu: VT, TCKH.

*lanh*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



*Nguyễn Việt Ánh*  
**Nguyễn Việt Ánh**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
HUYỆN QUẢNG NINH

Số: /2016/NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày tháng 12 năm 2016

DỰ THẢO

### NGHỊ QUYẾT

**Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020  
của huyện Quảng Ninh (nguồn vốn ngân sách huyện quản lý)**

### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG NINH KHÓA XIX - KỲ HỌP THỨ 3

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ vào Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014; Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm;

Căn cứ Nghị quyết số 110/2015/NQ-HĐND ngày 10/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn ngân sách Nhà nước tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết số /2016/NQ-HĐND ngày /12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 của tỉnh Quảng Bình (nguồn vốn ngân sách tỉnh quản lý);

Căn cứ Nghị quyết số 118/2015/NQ-HĐND ngày 21/12/2015 của Hội đồng nhân dân huyện về việc thông qua kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2016 – 2020 (nguồn vốn ngân sách huyện quản lý); Nghị quyết số 116/2016/NQ-HĐND ngày 03/8/2016 của Hội đồng nhân dân huyện về việc điều chỉnh Nghị quyết 118/2015/NQ-HĐND ngày 21/12/2015;

Qua xem xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày /12/2016 của Ủy ban nhân dân huyện về việc thông qua Nghị quyết điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 của huyện Quảng Ninh (nguồn vốn ngân sách huyện quản lý); Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội huyện và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp,

### QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020 của huyện Quảng Ninh (nguồn vốn ngân sách huyện quản lý) như sau:

**1. Tổng số vốn đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 của huyện Quảng Ninh: 142.101 triệu đồng**

*(Bằng chữ: Một trăm bốn mươi hai tỷ, một trăm linh một triệu đồng)*

Trong đó:

- |   |                   |
|---|-------------------|
| - Vốn ngân sách tập trung:                    | 86.900 triệu đồng |
| + Vốn ngân sách tập trung đã bố trí năm 2016: | 15.815 triệu đồng |
| - Vốn thu cấp quyền sử dụng đất:              | 55.201 triệu đồng |
| + Vốn quỹ đất đã bố trí năm 2016:             | 2.400 triệu đồng  |

**2. Kế hoạch phân bổ vốn đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 – 2020**

- |   |                    |
|---|--------------------|
| - Tổng số vốn kế hoạch 5 năm 2016-2020: | 142.101 triệu đồng |
|---|--------------------|

*Trong đó:*

**a. Nguồn vốn do huyện bố trí: 107.098 triệu đồng**

*\* Bao gồm:*

- Vốn ngân sách tập trung: 86.900 triệu đồng  
- Vốn thu cấp quyền sử dụng đất: 20.198 triệu đồng

*\* Phân bổ cụ thể:*

- Trả nợ KCH KM, GTNT: 9.000 triệu đồng  
- Trả nợ công trình hoàn thành trước 31/12/2015: 15.710 triệu đồng  
- Bố trí công trình chuyển tiếp sang 2016-2020: 2.100 triệu đồng  
- Các dự án khởi công mới 2016-2020: 64.619 triệu đồng  
- Hỗ trợ các xã về đích NTM và chỉnh trang đô thị: 1.500 triệu đồng  
- Dự phòng để xử lý các vấn đề phát sinh: 14.169 triệu đồng

*(Có phụ lục chi tiết số 1 kèm theo)*

**b. Nguồn vốn quỹ đất do xã, thị trấn phân bổ: 35.003 triệu đồng**

*Trong đó:*

- Vốn do thị trấn Quán Hàu phân bổ: 2.500 triệu đồng  
- Vốn do các xã phân bổ: 32.503 triệu đồng

*(Có phụ lục chi tiết số 2 kèm theo)*

**Điều 2.** Trường hợp khi cấp có thẩm quyền giao vốn chính thức mà tổng số vốn đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 (nguồn vốn ngân sách huyện quản lý) có sự thay đổi so với Nghị quyết này. Hội đồng nhân dân huyện giao Ủy ban nhân dân huyện tham mưu, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân huyện xem xét, điều chỉnh nguồn vốn và phương án phân bổ.

Việc điều chỉnh (nếu có) sẽ theo nguyên tắc, tiêu chí phân bổ và tăng giảm đều theo cơ cấu, tỷ lệ từng khoản mục. Thường trực Hội đồng nhân dân huyện sẽ báo cáo Hội đồng nhân dân huyện vào kỳ họp gần nhất.

**Điều 3.** Giao Ủy ban nhân dân huyện triển khai thực hiện các nội dung điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 của huyện Quảng Ninh (nguồn vốn ngân sách huyện quản lý) theo đúng quy định của Luật Đầu tư công, nghị định của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của các bộ, sở, ngành có liên quan. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban của Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có những vấn đề phát sinh, Ủy ban nhân dân huyện phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân huyện xem xét, giải quyết và báo cáo Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp gần nhất.

**Điều 4.** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Quảng Ninh khóa XIX, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày tháng 12 năm 2016.

**Nơi nhận:**

- TT HĐND, UBND tỉnh (b/c);
- Sở KH&ĐT, Sở Tài chính;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Ban Thường vụ Huyện ủy;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQ huyện;
- Các đại biểu HĐND huyện;
- Các phòng, ban, đơn vị cấp huyện;
- TT HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**

**PHỤ LỤC 1: ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2016-2020 HUYỆN QUẢNG NINH**

Nguồn vốn: Ngân sách huyện quản lý (Nguồn vốn ngân sách tập trung, quỹ đất)

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: /2016/NQ-HĐND ngày /12/2016 của Hội đồng nhân dân huyện Quảng Ninh)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Dự kiến kế hoạch 5 năm 2016-2020 (điều chỉnh)						Ghi chú			
				Số quyết định, ngày/tháng/năm	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó: NS huyện	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó: NS huyện	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách huyện				NS tỉnh, xã và nguồn khác	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó: NS huyện						Tổng cộng	Năm 2016		Năm 2017		Giai đoạn 2018-2020
A	B	C	B	E	1	2	5	6	10=11+15	11	12	13	14	15	16		
	<b>TỔNG CỘNG</b>				164.598	115.622	31.823	24.341	151.745	107.098	23.185	23.333	60.580	44.647			
<b>A</b>	<b>THANH TOÁN NỢ ĐỘNG XDCB CÁC DỰ ÁN ĐÃ HOÀN THÀNH TRƯỚC 31/12/2014, DỰ ÁN ĐÃ QUYẾT TOÁN 2015, 2016</b>				46.097	39.864	26.723	22.241	16.314	15.710	9.485	5.610	615	604			
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực Nông nghiệp</b>				5.948	5.273	3.438	2.938	1.778	1.778	800	978	0	0			
1	KCH kênh N2 đoạn từ kênh chính Rào Đá - VC7	Hàm Ninh	2014-2016	818/QĐ ngày 8/8/2014	1.995	1.995	920	920	1.025	1.025	500	525					
2	KCH kênh tưới Rào Đá - Quyết Thắng	Trường Xuân	2013-2014	757/QĐ-UBND 25/10/13	1.270	1.270	818	818	369	369	200	169					
3	Nâng cấp KCH Kênh tưới N1 hồ Điều gà HTX Vĩnh Trung xã Vĩnh Ninh	Vĩnh Ninh	2014-2015	1027/QĐ-UBND - 27/12/2013	2.008	2.008	1.200	1.200	209	209	100	109			xã 30%		
4	Cấp nước mở rộng diện tích tưới bản Lâm Ninh	Trường Xuân	2015		318		250		68	68		68			Đã QT		

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Dự kiến kế hoạch 5 năm 2016-2020 (điều chỉnh)					Ghi chú			
				Số quyết định, ngày/tháng/năm	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó: NS huyện	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó: NS huyện	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách huyện			NS tỉnh, xã và nguồn khác	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó: NS huyện						Tổng cộng		Năm 2016		Năm 2017
5	KCH kênh tưới vùng bộ Tả Phan, Duy Ninh	Duy Ninh	2015		357		250		107	107		107			Đã QT	
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực quản lý nhà nước</b>				<b>2.423</b>	<b>2.423</b>	<b>1.240</b>	<b>1.240</b>	<b>873</b>	<b>873</b>	<b>700</b>	<b>173</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
1	Trụ sở làm việc UBND huyện - Hạng mục: Nhà làm việc 2 tầng 10 phòng	Quán Hâu	2014-2015	794/QĐ-UBND ngày 05/8/2014	2.423	2.423	1.240	1.240	873	873	700	173				
<b>III</b>	<b>Lĩnh vực Văn hóa - Thể thao, Hạ tầng kỹ thuật</b>				<b>4.610</b>	<b>2.803</b>	<b>2.752</b>	<b>1.700</b>	<b>1.742</b>	<b>1.742</b>	<b>1.000</b>	<b>742</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
1	Cải tạo nhà truyền thống huyện	Quán Hâu	2014-2015	795/QĐ-UBND ngày 04/11/13; 113/QĐ-UBND ngày 05/02/15	1.382	1.382	730	730	616	616	500	116				
2	Nhà Văn hoá Trung tâm huyện Quảng Ninh; Hạng mục: Sửa chữa, cải tạo.	Quán Hâu	2014-2015	878/QĐ-UBND ngày 29/11/13; 114/QĐ-UBND ngày 05/02/15	2.841	1.421	1.770	970	993	993	500	493				
3	Lập Quy hoạch chi tiết di dời dân khẩn cấp sau lòng hồ Rào Đá	Trường Xuân	2012-2013		331		237		93	93		93				
4	Hỗ trợ sửa chữa đường dây và trạm biến áp Núi Thần Đinh	Trường Xuân	2014		55		15		40	40		40				
<b>IV</b>	<b>Lĩnh vực GD&amp;ĐT</b>				<b>13.749</b>	<b>13.750</b>	<b>7.200</b>	<b>7.200</b>	<b>5.387</b>	<b>5.387</b>	<b>3.209</b>	<b>2.060</b>	<b>118</b>	<b>0</b>		
1	Trường THCS Vạn Ninh, hạng mục: Nhà lớp học bộ môn 2 tầng	Vạn Ninh	2013-2014	634/QĐ-UBND-11/9/2013	3.570	3.570	2.010	2.010	1.171	1.171	1.009	162			Đã QT	

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Dự kiến kế hoạch 5 năm 2016-2020 (điều chỉnh)						Ghi chú		
				Số quyết định, ngày/tháng/năm	TMĐT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó: NS huyện	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó: NS huyện	Ngân sách huyện				NS tỉnh, xã và nguồn khác
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó: NS huyện	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)					Tr.đó: NS huyện	Tổng cộng		Năm 2016	
2	Đường Quốc lộ 15A - Hoành Vinh	An Ninh	2013-2014	1192/QĐ-UBND ngày 23/5/2013	2.900	2.900	2.000	2.000	706	706	706	0		Đa QT		
3	Đường thôn Bến đi Đại Phúc	Vạn Ninh	2012-2014	361/QĐ-UBND ngày 10/5/2011 và 302/QĐ-UBND ngày 17/4/2014	4.053	4.053	2.573	2.573	1.374	1.374	1.374	0		Đa QT		
4	Đường giao thông liên thôn Văn La-Lương Yên	Lương Ninh	2013-2015	227-11/4/13; 657/QĐ-UBND ngày 18/8/13	3.110	2.177	2.300	1.400	558	558	300	200	58	xã 30%		
5	Đường thôn Tây - Hữu Hậu	Võ Ninh	2013-2014	204 ngày 8/4/13 và 690 ngày 7/10/13	2.819	1.658	1.630	1.100	1.162	558	200	300	58	604	xã 30%	
6	Đường tránh lũ Đồng Tư, Hiền Ninh	Hiền Ninh	2014-2015	800/QĐ-UBND tỉnh ngày 7/8/2014	3.268	2.000	1.450	300	1.700	1.700	200	1.119	381	Vốn xã vay		
7	Sửa chữa mặt đường từ Mỹ Trung đến trạm bơm số 1 Ông Đồng	Gia Ninh	2014		389		350		38	38	0	38				
<b>B</b>	<b>NHU CẦU VỐN CÁC DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP SANG GIAI ĐOẠN 2016-2020</b>				<b>4.201</b>	<b>4.201</b>	<b>2.100</b>	<b>2.100</b>	<b>2.100</b>	<b>2.100</b>	<b>1.500</b>	<b>600</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực QLNN</b>				<b>4.201</b>	<b>4.201</b>	<b>2.100</b>	<b>2.100</b>	<b>2.100</b>	<b>2.100</b>	<b>1.500</b>	<b>600</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
1	Nhà chức năng Huyện ủy	Quán Hàu	2014-2016	750/QĐ-UBND ngày 24/7/2014	4.201	4.201	2.100	2.100	2.100	2.100	1.500	600				

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Dự kiến kế hoạch 5 năm 2016-2020 (điều chỉnh)					Ghi chú			
				Số quyết định, ngày/tháng/năm	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó: NS huyện	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó: NS huyện	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách huyện			NS tỉnh, xã và nguồn khác	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó: NS huyện						Tổng cộng		Năm 2016		Năm 2017
<b>C</b>	<b>CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI GIAI ĐOẠN 2016-2020</b>				<b>114.300</b>	<b>71.556</b>	<b>3.000</b>	<b>0</b>	<b>97.662</b>	<b>64.619</b>	<b>5.450</b>	<b>11.190</b>	<b>47.979</b>	<b>33.042</b>		
<b>CI</b>	<b>DỰ ÁN KHỞI CÔNG NĂM 2016</b>				<b>58.902</b>	<b>29.078</b>	<b>3.000</b>	<b>0</b>	<b>49.714</b>	<b>28.691</b>	<b>5.450</b>	<b>8.240</b>	<b>15.001</b>	<b>21.022</b>		
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực Nông nghiệp</b>				<b>3.700</b>	<b>3.700</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>3.700</b>	<b>3.700</b>	<b>1.100</b>	<b>1.170</b>	<b>1.430</b>	<b>0</b>		
1	Sửa chữa cống 2 cửa Hói Cầu Duy Ninh	Duy Ninh	2016-2018	514/QĐ-UBND ngày 15/7/2016	2.415	2.415			2.415	2.415	700	770	945			
2	Sửa chữa, khắc phục khẩn cấp Đê Trôm thôn Long Đại, xã Hiền Ninh	Hiền Ninh	2016-2017	800/QĐ-UBND ngày 22/9/2016	1.285	1.285			1.285	1.285	400	400	485			
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực Quản lý nhà nước</b>				<b>14.493</b>	<b>7.493</b>	<b>3.000</b>	<b>0</b>	<b>10.493</b>	<b>7.493</b>	<b>950</b>	<b>2.600</b>	<b>3.943</b>	<b>3.000</b>		
1	Cải tạo khuôn viên trụ sở Công an cũ để bố trí cho các đơn vị thuộc huyện làm việc	Quán Hâu	2016-2018	87/QĐ-UBND ngày 19/01/2016	2.452	2.152			2.452	2.152	700	650	802	300	Tinh cấp 300	
2	Nâng cấp, sửa chữa khuôn viên Đài truyền thanh huyện	Quán Hâu	2016-2018	387/QĐ-UBND ngày 03/6/2016	497	497			497	497	250	150	97			
3	Sửa chữa hạ tầng, cải tạo môi trường chợ đầu mối Hiền Ninh	Hiền Ninh	2016-2018		752	52			52	52			52		Tinh cấp 700, huyện đối ứng 52	
4	Cộng đồng phòng tránh thiên tai - Trung tâm phục hồi chức năng nuôi dạy trẻ khuyết tật, trẻ chất độc da cam Hiền Ninh	Hiền Ninh	2016-2018		3.797	797	3.000		797	797	0	300	497		Huyện đối ứng vốn tài trợ 797	
5	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở làm việc cơ quan Huyện ủy Quảng Ninh	Quán Hâu	2016-2018		6.995	3.995			6.695	3.995	0	1.500	2.495	2.700	KH ĐTC của tỉnh hỗ trợ 3.000 tr.d	
<b>III</b>	<b>Lĩnh vực GD&amp;ĐT</b>				<b>15.296</b>	<b>7.482</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>11.796</b>	<b>7.482</b>	<b>1.700</b>	<b>2.440</b>	<b>3.342</b>	<b>4.314</b>		

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Dự kiến kế hoạch 5 năm 2016-2020 (điều chỉnh)					Ghi chú			
				Số quyết định, ngày/tháng/năm	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó: NS huyện	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó: NS huyện	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách huyện			NS tỉnh, xã và nguồn khác	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó: NS huyện						Tổng cộng		Năm 2016		Năm 2017
1	Nhà lớp học 2T, 6P trường mầm non Gia Ninh	Gia Ninh	2016-2018	991/QĐ-UBND ngày 31/8/2016	5.086	3.500			5.086	3.500	1.100	1.050	1.350	1.586	Đối ứng xã	
2	Nhà lớp học 2T, 6P trường mầm non Xuân Ninh	Xuân Ninh	2016-2018	505/QĐ-UBND ngày 25/5/2016	4.699	2.800			4.699	2.800	600	990	1.210	1.899	NTM tỉnh	
3	Nhà lớp học 2 tầng Trường Tiểu học Long Đại, xã Hiền Ninh	Hiền Ninh	2016-2018	388/QĐ-UBND ngày 03/6/2016	2.642	742			1.142	742		250	492	400	Đối ứng huyện. xã	
4	Nhà lớp học 2 tầng Trường THCS Gia Ninh	Gia Ninh	2016-2018	457/QĐ-UBND ngày 04/7/2016	2.870	440			870	440		150	290	430	Đối ứng huyện. xã	
<b>IV</b>	<b>Lĩnh vực giao thông vận tải</b>				<b>25.412</b>	<b>10.403</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>23.724</b>	<b>10.016</b>	<b>1.700</b>	<b>2.030</b>	<b>6.286</b>	<b>13.708</b>		
1	Ngầm Khe Cự xã An Ninh	An Ninh	2016-2018	376/QĐ-UBND ngày 31/5/2016	500	500			481	481	250	150	81			
2	Đường tránh Đồng Hới đến Đài tưởng niệm	Quán Hâu	2016-2018	368/QĐ-UBND ngày 16/5/2016	1.954	1.954			1.954	1.954	600	600	754			
3	Đường liên thôn Trung - Tiên - Thượng	Võ Ninh	2016-2018	456/QĐ-UBND ngày 01/7/2016	2.999	2.000			2.999	2.000	600	630	770	999		
4	Đường nối từ đường thôn Tây - Hữu Hậu đến khe Dinh Thủy	Võ Ninh	2016-2018	390/QĐ-UBND ngày 08/6/2016	981	581			981	581	250	150	181	400	NSX 400	
5	Đường Hạ làng Phúc Mỹ đi Xuân Dục 4	Xuân Ninh	2016-2018		1.800	1.200			1.800	1.200		200	1.000	600	NTM xã, NSX 600	
6	Đường Hà Thiệp - Báo Ninh	Võ Ninh	2017-2019		12.178	3.305			10.986	3.000		300	2.700	7.986	NS tỉnh, huyện đối ứng chi khác	
7	Đường tránh lũ bán Khe Dây đi bán Khe Ngang, xã Trường Xuân	Trường Xuân	2017-2019		5.000	863			4.523	800			800	3.723	NS tỉnh, huyện đối ứng chi khác	

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Dự kiến kế hoạch 5 năm 2016-2020 (điều chỉnh)						Ghi chú			
				Số quyết định, ngày/tháng/năm	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó: NS huyện	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó: NS huyện	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách huyện				NS tỉnh, xã và nguồn khác	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó: NS huyện						Tổng cộng	Năm 2016		Năm 2017		Giai đoạn 2018-2020
<b>C2</b>	<b>DỰ ÁN KHỞI CÔNG 2017-2020</b>				<b>55.398</b>	<b>42.478</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>47.948</b>	<b>35.928</b>	<b>0</b>	<b>2.950</b>	<b>32.978</b>	<b>12.020</b>			
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực Nông nghiệp</b>				<b>4.900</b>	<b>3.430</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>4.900</b>	<b>3.430</b>	<b>0</b>	<b>650</b>	<b>2.780</b>	<b>1.470</b>			
1	Kiên cố hóa kênh tưới HTX Cổ Hiền	Hiền Ninh	2017-2019		1.900	1.330			1.900	1.330		250	1.080	570			
2	KCH kênh tưới N22 thôn Thế Lộc xã Tân Ninh	Tân Ninh	2017-2019		1.500	1.050			1.500	1.050		200	850	450			
3	Kênh tưới vùng Ông Đồng mở rộng xã Gia Ninh	Gia Ninh	2017-2019		1.500	1.050			1.500	1.050		200	850	450			
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực GD&amp;ĐT</b>				<b>24.000</b>	<b>16.800</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>19.550</b>	<b>12.350</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>12.350</b>	<b>7.200</b>			
1	Nhà hiệu bộ và phòng chức năng Trường Tiểu học Vinh Ninh	Vinh Ninh	2018-2020		3.500	2.450			3.500	2.450			2.450	1.050			
2	Nhà lớp học 2T, 6P phòng trường mầm non An Ninh	An Ninh	2018-2020		3.500	2.450			3.500	2.450			2.450	1.050			
3	Nhà chức năng 2T, 4P trường TH Trường Xuân	Trường Xuân	2018-2020		2.500	1.750			2.500	1.750			1.750	750			
4	Nhà hiệu bộ trường THCS Hải Ninh	Hải Ninh	2019-2021		3.500	2.450			2.850	1.800			1.800	1.050			
5	Nhà hiệu bộ trường TH số 1 Vạn Ninh	Vạn Ninh	2019-2021		3.500	2.450			2.850	1.800			1.800	1.050			
6	Xây dựng nhà 2T, 6P trường mầm non Tân Ninh	Tân Ninh	2020-2022		3.500	2.450			1.950	900			900	1.050			
7	Nhà lớp học 4 phòng trường TH Lương Ninh	Lương Ninh	2020-2022		2.000	1.400			1.200	600			600	600			

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Dự kiến kế hoạch 5 năm 2016-2020 (điều chỉnh)					Ghi chú			
				Số quyết định, ngày/tháng/năm	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó: NS huyện	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó: NS huyện	Ngân sách huyện				NS tỉnh, xã và nguồn khác
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó: NS huyện	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)					Tr.đó: NS huyện		Tổng cộng	Năm 2016	
8	Nhà lớp học 4 phòng trường mầm non Trường Sơn	Trường Sơn	2020-2022		2.000	1.400			1.200	600			600	600		
<b>III</b>	<b>Lĩnh vực giao thông vận tải</b>				<b>10.500</b>	<b>7.350</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>7.700</b>	<b>5.450</b>	<b>0</b>	<b>400</b>	<b>5.050</b>	<b>2.250</b>		
1	Đường cấp 3 Ninh Châu đi trạm bơm Rào Bạc	Duy Ninh	2017-2019		3.000	2.100			3.000	2.100		400	1.700	900		
2	Đường rẽ Bắc Kim Sen - Lâm Ninh xã Trường Xuân	Trường Xuân	2018-2020		1.500	1.050			1.500	1.050			1.050	450		
3	Đường liên thôn Trần Xá - Trường Niên	Hàm Ninh	2019-2021		3.000	2.100			2.100	1.500			1.500	600		
4	Đường Côn Điện trường THCS Vạn Ninh đi Hoa Thủy	Vạn Ninh	2020-2022		3.000	2.100			1.100	800			800	300		
<b>IV</b>	<b>Lĩnh vực Y tế</b>				<b>2.000</b>	<b>1.400</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>1.800</b>	<b>1.200</b>	<b>0</b>	<b>300</b>	<b>900</b>	<b>600</b>		
1	Nhà điều trị khám bệnh trạm y tế xã Trường Sơn	Trường Sơn	2017-2019		1.000	700			1.000	700		300	400	300		
2	Nâng cấp, sửa chữa trạm y tế Quán Hàu	Quán Hàu	2018-2020		500	350			450	300			300	150		
3	Nâng cấp sửa chữa trạm y tế Hải Ninh	Hải Ninh	2019-2021		500	350			350	200			200	150		
<b>V</b>	<b>Lĩnh vực QLNN và hạ tầng kỹ</b>				<b>13.998</b>	<b>13.498</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>13.998</b>	<b>13.498</b>	<b>0</b>	<b>1.600</b>	<b>11.898</b>	<b>500</b>		
1	Rãnh thoát nước đường Trương Văn Ly và Trần Hưng Đạo (Tiểu khu 3-Tiểu khu 1)	Quán Hàu	2017-2019		1.500	1.500			1.500	1.500		300	1.200			
2	Cải tạo, sửa chữa trụ sở UBND huyện Quảng Ninh	Quán Hàu	2017-2019		4.998	4.998			4.998	4.998		1.000	3.998			

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Dự kiến kế hoạch 5 năm 2016-2020 (điều chỉnh)					Ghi chú				
				Số quyết định, ngày/tháng/năm	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó: NS huyện	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó: NS huyện	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách huyện				NS tỉnh, xã và nguồn khác	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó: NS huyện						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tr.đó: NS huyện	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng cộng
3	Hệ thống điện chiếu sáng thị trấn Quán Hàu	Quán Hàu	2017-2019		2.000	1.500			2.000	1.500		300	1.200	500			
4	Sân vận động huyện (giai đoạn 2)	Quán Hàu	2017-2019		3.000	3.000			3.000	3.000			3.000				
5	Cải tạo quảng trường huyện Quảng Ninh	Quán Hàu	2018-2019		2.500	2.500			2.500	2.500			2.500				
<b>D</b>	<b>HỖ TRỢ CÁC XÃ NÔNG THÔN MỚI</b>	Quảng Ninh	2016-2020						<b>1.500</b>	<b>1.500</b>			<b>1.500</b>	<b>0</b>			
<b>E</b>	<b>TRẢ NỢ VAY KCH KÊNH MƯƠNG, GTNT HÀNG NĂM</b>	Quảng Ninh							<b>20.000</b>	<b>9.000</b>	<b>2.857</b>	<b>3.175</b>	<b>2.968</b>	<b>11.000</b>			
<b>F</b>	<b>DỰ PHÒNG XỬ LÝ PHÁT SINH</b>	Quảng Ninh	2016-2020						<b>14.169</b>	<b>14.169</b>	<b>3.893</b>	<b>2.758</b>	<b>7.517</b>				

**PHỤ LỤC 2: ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2016-2020 HUYỆN QUẢNG NINH**

Nguồn vốn: Quỹ đất do xã, thị trấn bố trí

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: /2016/NQ-HĐND ngày /12/2016 của Hội đồng nhân dân huyện Quảng Ninh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Xã, Thị trấn	Mức vốn quỹ đất dự kiến cho các xã, thị trấn giai đoạn 2016-2020 (theo Nghị quyết 118/2015/NQ-HĐND huyện)	Mức vốn quỹ đất dự kiến cho các xã, thị trấn giai đoạn 2016-2020 (điều chỉnh)	Tăng (+) Giảm (-)
<b>I</b>	<b>UBND Thị trấn</b>	<b>1.485</b>	<b>2.500</b>	<b>1.015</b>
1	UBND Thị trấn Quán Hàu	1.485	2.500	1.015
<b>II</b>	<b>UBND các xã</b>	<b>19.310</b>	<b>32.503</b>	<b>13.193</b>
1	UBND xã Vạn Ninh	2.042	3.438	1.395
2	UBND xã An Ninh	780	1.313	533
3	UBND xã Tân Ninh	650	1.094	444
4	UBND xã Xuân Ninh	390	656	266
5	UBND xã Hiền Ninh	650	1.094	444
6	UBND xã Gia Ninh	4.196	7.063	2.867
7	UBND xã Võ Ninh	4.642	7.813	3.171
8	UBND xã Duy Ninh	650	1.094	444
9	UBND xã Hàm Ninh	928	1.563	634
10	UBND xã Lương Ninh	1.857	3.125	1.269
11	UBND xã Vĩnh Ninh	928	1.563	634
12	UBND xã Trường Xuân	93	156	63
13	UBND xã Trường Sơn	74	125	51
14	UBND xã Hải Ninh	1.430	2.406	977
	<b>Tổng cộng (I+II):</b>	<b>20.795</b>	<b>35.003</b>	<b>14.208</b>